TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:107/2018/HSST
Ngày: 24-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà **Hà V Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Dương Hải Long**

2. Ông **Ha Tông**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Mai Linh** – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên toà: Ông **Phan Minh Trí** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 106/2018/HSST ngày 26/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2018/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đỗ Thị Ngọc D**, sinh năm: 1989; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: thôn N, xã M, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; Tạm trú: đường N, phường M, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: phật; Nghề nghiệp: buôn bán. Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Đỗ Đức Ph, sinh năm 1970, Con bà: Nguyễn Thị Mỹ Ng, sinh năm 1971; Gia đình có 04 anh chị em cùng cha khác mẹ, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 03/7/2014 bị công an thành phố Đà Lạt xử phạt hành chính 1.500.000đ về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (đã nộp phạt ngày 31/7/2014). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/4/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Thị A V,** sinh năm: 1996; Nơi cư trú: đường N, thôn M, xã H, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn

giáo: không; Nghề nghiệp: buôn bán. Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: không rõ; Con bà: Lê Thị Kim C, sinh năm 1962; Gia đình có 08 anh chị em cùng mẹ khác cha, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 2002, bị cáo là con thứ 6 trong gia đình; Chồng: không có; Có 01 con sinh ngày 15/3/2017; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: tại Bản án số 99/2013/HSST ngày 25/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng xử phạt bị cáo 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2013 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (đã chấp hành xong án phạt tù từ ngày 25/4/2015). Bị bắt tạm giam từ ngày 11/4/2018 đến ngày 02/5/2018 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lĩnh, hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Thị Ngọc D và Lê Thị A V là các đối tượng nghiện ma túy và có quen biết với nhau. Ngày 11/4/2018 có bạn của D là Bùi Thị Hoàng M đến phòng trọ của D chơi, sau đó khoảng 15 giờ cùng ngày thì Lê Thị A V và Lê Trung Ngh cũng đến phòng trọ của D. Tại đây, V lấy ra 01 gói ma túy rủ D và Ngh cùng sử dụng, D lấy ống thủy tinh có sẵn trong phòng trọ ra, Ngh xúc 01 ít ma túy từ gói ma túy của V bỏ vào trong ống thủy tinh, D, V và Ngh cùng sử dụng, riêng M không sử dụng, phần còn lại trong gói ma túy Ngh hàn kín lại và bỏ trên bàn. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Công an thành phố Đà Lạt tiến hành kiểm tra, phát hiện và thu giữ 01 gói ma túy và dụng cụ hút ma túy trên bàn và 03 gói ma túy để trong vỏ hộp son dưới nệm ngủ trong phòng trọ. V khai nhận 01 gói ma túy V mang đến V mua của một người tên L ở Đức Trọng (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 300.000đ, đối với 03 gói ma túy còn lại D khai nhận vào tối ngày 08/4/2018 D có đến quán bắn cá trên đường Nguyễn Công Trứ, phường 2, Đà Lạt mua của một người tên B (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 700.000đ rồi mang về phòng trọ của mình cất giấu nhằm mục đích để sử dụng.

Tại Kết luận giám định số 614/GĐ-PC54 ngày 13/4/2018 Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận:

- Phong bì 1: Mẫu tinh thể đựng trong 03 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,6015g. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT: 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19.7.2013 của Chính phủ.

- Phong bì 2: Mẫu tinh thể đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,3102g. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT: 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19.7.2013 của Chính phủ.

Vật chứng cơ quan điều tra thu giữ gồm:

- Thu giữ của Đỗ Thị Ngọc D 03 gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1); 01 điện thoại iphone 4 màu trắng không gắn sim; 01 bình gắn ống thủy tinh dùng sử dụng ma túy; 01 chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị Ngọc D; 01 vỏ hộp son hồng và 500.000đ.

Thu giữ của Lê Thị A V 01 gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M2); 01 điện thoại iphone 7 màu đen có gắn sim số 0916.018.210.

Mẫu vật chứng tinh thể màu trắng còn lại sau giám định và các vật chứng trên Cơ quan điều tra đã chuyển sang Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt ngày 25/7/2018.

Quá trình điều tra xác định việc D và V cất giấu ma túy M và Ngh không biết nên không có cơ sở để xử lý. Công an thành phố Đà Lạt đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Lê Trung Ngh về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Trong vụ án này, các đối tượng tên Bì V và L (không rõ nhân thân, lai lịch) là những người bán ma túy cho D và V. Hiện cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

Tại bản Cáo trạng số 108/CT-VKS ngày 24/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt đã truy tố các bị cáo Đỗ Thị Ngọc D và Lê Thị A V về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo không khiếu nại bản cáo trạng.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu quan điểm vụ án giữ nguyên bản cáo trạng truy tố các bị cáo Đỗ Thị Ngọc D và Lê Thị A V về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy".

Về hình phạt: Đề nghị áp điểm c, khoản 1 Điều 249; Điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả cho bị cáo Đỗ Thị Ngọc D 01 điện thoại iphone 4 màu trắng không gắn sim model A1332, trả cho bị cáo Đỗ Thị Ngọc D

01 chứng minh nhân dân; trả cho bị cáo Đỗ Thị Ngọc D 500.000đ; trả cho bị cáo Lê Thị A V 01 điện thoại iphone 7, vỏ màu đen có gắn sim số 0916.018.210, tiếp tục tạm giữ điện thoại và tiền để đảm bảo cho việc thi hành án. Các vật chứng còn lại đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Đỗ Thị Ngọc D khai nhận: Bản thân bị cáo nghiện ma túy từ năm 2013, bị cáo đã đi cai nghiện nhưng khi tái hòa nhập cộng đồng bị cáo vẫn tiếp tục sử dụng ma túy, ngày 08/4/2018 bị cáo mua 03 gói ma túy với giá 700.000đ mang về phòng trọ của bị cáo cất giấu mục đích để sử dụng dần. Ngày 11/4/2018 khi đang cùng với Ngh và bị cáo V sử dụng ma túy thì bị Công an thành phố Đà Lạt bắt quả tang, thu giữ của bị cáo 03 gói ma túy cất trong thỏi son dưới nệm trong phòng trọ. Số ma túy thu giữ được giám định là Methamphetamine, có khối lượng 0,6015g.

[2] Bị cáo Lê Thị A V khai nhận: Bản thân bị cáo bị nghiện ma túy, đã từng bị xét xử về tội "mua bán trái phép chất ma túy", ngày 11/4/2018 bị cáo mua ma túy ở Đức Trọng, sau đó rủ Nghĩa lên phòng trọ của D ở Đà Lạt cùng nhau sử dụng ma túy thì bị Công an thành phố Đà Lạt bắt quả tang, thu giữ của bị cáo 01 gói ma túy, được giám định là Methamphetamine, có khối lượng 0,3102g.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội D bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo phạm tội "tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như cáo trạng của viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm, biết rõ tác hại của ma túy nhưng chỉ vì muốn thỏa mãn cơn nghiện cho bản thân các bị cáo vẫn mua ma túy về cất giấu để sử dụng. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, trị an xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm đến việc quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy và là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác.

hành vi phạm tội của các bị cáo là độc lập với nhau nên cần áp dụng mức hình phạt phù hợp với hành vi và hậu quả từng bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi cuộc sống cộng đồng một thời gian nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo D tàng trữ ma túy khối lượng cao hơn bị cáo V nên áp dụng mức hình phạt cao hơn là phù hợp.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các bị cáo không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải nên áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: Vật chứng chuyển sang Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt ngày 25/7/2018, trong đó:

- 01 điện thoại iphone 4 màu trắng không gắn sim, model A1332 và 500.000đ thu giữ là tài sản của bị cáo D không sử dụng vào việc phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án, 01 chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị Ngọc D là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên tuyên trả lại cho bị cáo; 01 điện thoại iphone 7, vỏ màu đen có gắn sim số 0916.018.210, model A1784 là tài sản của bị cáo V không sử dụng vào việc phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Các vật chứng còn lại: 01 chai nhựa gắn ống thủy tinh; 01 vỏ hộp son hồng; 01 phong bì niêm phong số 614/2018 mặt trước phong bì ghi: vụ Lê Thị A V (1996); HKTT: 28 Quảng Bằng, Phi Tô, Lâm Hà, Lâm Đồng. Đỗ Thị Ngọc D (1989); HKTT: thôn 5, Đà Loan, Đức Trọng, Lâm Đồng. QĐTC số: 158/CSĐT, ngày 12/4/2018. Bao gói. Mặt sau phong bì có chữ ký, họ tên của Nguyễn Văn Chiến, Phạm Thị D và Nguyễn Quốc Hòa, đóng dấu tròn, đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng; 01 phong bì niêm phong số 614/2018 mặt trước phong bì ghi: vụ Lê Thị A V (1996); HKTT: 28 Quảng Bằng, Phi Tô, Lâm Hà, Lâm Đồng. Đỗ Thị Ngọc D (1989); HKTT: thôn 5, Đà Loan, Đức Trọng, Lâm Đồng. QĐTC số: 158/CSĐT, ngày 12/4/2018. Hoàn mẫu: Pb1: 0,3648 (g); Pb2: 0,1586 (g). Mặt sau phong bì có chữ ký, họ tên của Nguyễn Văn Ch, Phạm Thị D và Nguyễn Quốc H, đóng dấu tròn, đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng không có giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Thị Ngọc D và Lê Thị A V cùng phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng Điểm c, Khoản 1 Điều 249 và Điểm s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Đỗ Thị Ngọc D 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2018.

Bị cáo Lê Thị A V 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ vào thời gian đã tạm giam từ ngày 11/4/2018 đến ngày 02/5/2018.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tuyên trả cho bị cáo Đỗ Thị Ngọc D 01 điện thoại iphone 4 màu trắng, không gắn sim model A1332 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án, trả cho bị cáo Đỗ Thị Ngọc D 01 chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị Ngọc D; trả cho bị cáo Lê Thị A V 01 điện thoại iphone 7, vỏ màu đen có gắn sim số 0916.018.210, model A1784 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án (theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/7/2018).

Tuyên trả cho bị cáo Đỗ Thị Ngọc D 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2012/0000217 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chai nhựa gắn ống thủy tinh; 01 vỏ hộp son hồng; 01 phong bì niêm phong số 614/2018 mặt trước phong bì ghi: vụ Lê Thị A V (1996), HKTT: 28 Quảng Bằng, Phi Tô, Lâm Hà, Lâm Đồng. Đỗ Thị Ngọc D (1989), HKTT: thôn 5, Đà Loan, Đức Trọng, Lâm Đồng. QĐTC số: 158/CSĐT, ngày 12/4/2018. Bao gói. Mặt sau phong bì có chữ ký, họ tên của Nguyễn Văn Ch, Phạm Thị D và Nguyễn Quốc H, đóng dấu tròn, đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng; 01 phong bì niêm phong số 614/2018 mặt trước phong bì ghi: vụ Lê Thị A V (1996), HKTT: 28 Quảng Bằng, Phi Tô, Lâm Hà, Lâm Đồng. Đỗ Thị Ngọc D (1989), HKTT: thôn 5, Đà Loan, Đức Trọng, Lâm Đồng. QĐTC số: 158/CSĐT, ngày 12/4/2018. Hoàn mẫu: Pb1: 0,3648 (g), Pb2: 0,1586 (g). Mặt sau phong bì có chữ ký, họ tên của Nguyễn Văn Ch, Phạm Thị

D và Nguyễn Quốc H, đóng dấu tròn, đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng (theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/7/2018).

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Đỗ Thị Ngọc D và Lê Thị A V mỗi người phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Công an thành phố Đà Lạt;
- THA thành phố Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Vân Hồng